

Số: 4263/HD-STC

Hà Tĩnh, ngày 13 tháng 10 năm 2022

HƯỚNG DẪN

Một số nội dung xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2023-2025

Thực hiện Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29/7/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2023-2025.

Trên cơ sở nhiệm vụ UBND tỉnh giao tại Văn bản số 5762/UBND-TH₁ ngày 11/10/2022; đề các cơ quan, đơn vị và địa phương có cơ sở xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2023-2025 đảm bảo theo quy định, bên cạnh việc thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29/7/2022 của Bộ Tài chính, Sở Tài chính hướng dẫn thêm một số nội dung về xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2023-2025 như sau:

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NSNN NĂM 2022

Trên cơ sở quy định của pháp luật về NSNN; các văn bản chỉ đạo, điều hành NSNN của cấp có thẩm quyền; Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 13/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2022; các Nghị quyết, Chương trình hành động của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh giai đoạn 2021-2025; Chương trình số 14/CTr-UBND ngày 20/01/2022 của UBND tỉnh về triển khai nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022; kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội NSNN 9 tháng đầu năm, dự kiến khả năng thực hiện những tháng cuối năm 2022 và tình hình thực tế trên địa bàn; các cơ quan, đơn vị và địa phương thực hiện rà soát, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2022; trong đó tập trung đánh giá một số nội dung chủ yếu sau:

I. Đối với thu ngân sách

1. Đánh giá, phân tích nguyên nhân tác động tăng, giảm thu NSNN năm 2022, trong đó: đánh giá sự tăng, giảm theo từng khoản thu; các yếu tố tác động đến từng khoản thu; như: hoạt động sản xuất - kinh doanh, dịch vụ và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế trong từng lĩnh vực và tình hình, xu hướng phục hồi sản xuất kinh doanh sau dịch Covid-19; tác động của xung đột Nga-Ukraine, biến động nguyên nhiên vật liệu đầu vào nhất là giá xăng dầu, biến động thị trường bất động sản;...

2. Đánh giá tình hình triển khai, kết quả thực hiện các biện pháp về quản lý thu NSNN theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022 theo Quyết định số 4296/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh.

3. Công tác đôn đốc, thu hồi nợ đọng thuế trong 9 tháng đầu năm 2022; dự kiến kết quả thu hồi nợ đọng thuế trong các tháng cuối năm 2022 (so với chỉ tiêu, kế hoạch được giao - nếu có) và ước tổng số tiền thuế nợ đến ngày 31/12/2022; tình hình hoàn trả các khoản thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa và dự kiến số kinh phí hoàn thuế thực hiện trong năm 2022 trên cơ sở đúng chính sách chế độ và phù hợp với thực tế phát sinh. Đánh giá các tồn tại, vướng mắc và giải pháp khắc phục.

II. ĐỐI VỚI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

1. Chi đầu tư phát triển

1.1. Đánh giá tình hình thực hiện chi đầu tư phát triển

a) Tình hình phân bổ và giao dự toán chi đầu tư năm 2022

- Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các dự án đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản chỉ đạo điều hành của cấp có thẩm quyền.

- Kết quả bố trí dự toán để thu hồi vốn ngân sách ứng trước và thanh toán nợ xây dựng cơ bản thuộc nguồn NSNN. Việc điều chỉnh và bổ sung dự toán chi đầu tư công (nếu có) theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh.

- Khó khăn, vướng mắc và kiến nghị điều chỉnh cơ chế, chính sách; kiến nghị trong tổ chức thực hiện.

b) Tình hình thực hiện chi ĐTPT

Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch ĐTPT năm 2022, bao gồm: giá trị khối lượng thực hiện, vốn thanh toán đến hết tháng 9/2022 (gồm: thanh toán khối lượng hoàn thành và thanh toán tạm ứng vốn đầu tư), dự kiến khối lượng thực hiện và vốn thanh toán đến ngày 31/12/2022 (có biểu phụ lục chi tiết từng dự án, số liệu về tổng mức đầu tư được duyệt, vốn thanh toán lũy kế đến hết tháng 9/2022, ước thực hiện năm 2022 thuyết minh đính kèm). Số tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách địa phương bố trí cho dự án đầu tư (nếu có).

c) Tổng hợp, đánh giá tình hình nợ đọng khối lượng đầu tư XD/CB nguồn ngân sách nhà nước: Số nợ đến ngày 30/9/2022; số xử lý nợ trong năm 2022; dự kiến số còn nợ đến ngày 31/12/2022 (chi tiết danh mục và số nợ theo từng dự án).

d) Tình hình triển khai các dự án, công trình đầu tư cơ sở hạ tầng từ nguồn vốn vay và trả nợ các nguồn vốn vay của địa phương.

đ) Tình hình quyết toán dự án đầu tư hoàn thành, trong đó: Số dự án đã được phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành và số vốn còn lại chưa được bố trí để thanh toán so với giá trị quyết toán dự án hoàn thành được cấp có thẩm quyền

phê duyệt; số dự án đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán theo quy định đến hết tháng 9/2022 và dự kiến đến hết năm 2022; nguyên nhân, giải pháp xử lý.

1.2. Đánh giá việc triển khai và tổ chức thực hiện dự toán chi ĐTPT theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 và Nghị quyết số 11/NQ-CP (không bao gồm nhiệm vụ tín dụng) theo từng chương trình, dự án, từng lĩnh vực chi:

- Tình hình giao dự toán chi ĐTPT nguồn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, tách riêng các nhiệm vụ thuộc Chương trình và các nhiệm vụ được điều chuyển, bổ sung nguồn vốn của Chương trình, theo từng lĩnh vực chi.

- Tình hình triển khai thực hiện (giải ngân các chương trình, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; các chương trình, dự án không thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội được điều chuyển, bổ sung dự toán).

1.3. Tình hình thực hiện các cơ chế, chính sách xã hội hóa (tổng nguồn lực và cơ cấu nguồn lực xã hội hóa đầu tư cho theo ngành, lĩnh vực; số lượng các cơ sở được đầu tư từ nguồn lực xã hội hóa; kết quả đạt được; tồn tại, nguyên nhân và giải pháp khắc phục).

1.4. Đánh giá những tồn tại, khó khăn khi triển khai các quy định của pháp luật về chi đầu tư phát triển, bao gồm cả những kiến nghị về cơ sở pháp lý trong bố trí thực hiện các nhiệm vụ chi ĐTPT.

2. Chi thường xuyên

2.1. Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2022 (bao gồm cả nhiệm vụ hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 và Nghị quyết số 11/NQ-CP)

- Tình hình triển khai phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán chi thường xuyên 9 tháng đầu năm và dự kiến khả năng thực hiện cả năm 2022 chi tiết theo từng lĩnh vực chi được giao, trong đó việc đánh giá các nhiệm vụ chi theo dự toán, tập trung làm rõ tình hình thực hiện các chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch Covid-19 và hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động gặp khó khăn do dịch Covid-19.

- Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, các chương trình, đề án, dự án lớn, nghị quyết của tỉnh từ nguồn chi thường xuyên NSNN trong 9 tháng đầu năm, dự kiến cả năm 2022; những khó khăn, vướng mắc và đề xuất biện pháp xử lý về cơ chế chính sách trong tổ chức thực hiện, cụ thể:

+) Đối với các đề án, chính sách: Đánh giá tổng thể toàn bộ các chính sách, chế độ; rà soát, kiến nghị bổ sung, sửa đổi các chính sách, chế độ không phù hợp với thực tế, trong đó: các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, địa phương được giao chủ quản đề án, chính sách tiến hành đánh giá tình hình thực hiện đối với từng đề án, chính sách, có báo cáo cụ thể đối tượng, nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách năm 2022 (có thuyết minh cơ sở xác định, cách tính) và chênh lệch so với số kinh phí đã bố trí (thừa, thiếu).

+) Tình hình tinh giản biên chế, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy: Kết quả đạt được trong 9 tháng đầu năm, ước cả năm 2022, chi tiết theo từng mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII (Nghị quyết số 18-NQ/TW), Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/2/2022 của Bộ Chính trị (Kết luận số 28-KL/TW) và các văn bản liên quan của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ {trong đó làm rõ: số giảm biên chế, giảm đầu mối tổ chức bộ máy; số kinh phí NSNN tiết kiệm được do giảm biên chế, giảm tổ chức bộ máy, trong đó số sử dụng để thực hiện cải cách tiền lương; số kinh phí phải bố trí từ NSNN để thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo các quy định của Chính phủ}.

+) Kết quả sắp xếp, đổi mới hệ thống, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII (Nghị quyết số 19-NQ/TW), Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công (Nghị định số 60/2021/NĐ-CP) trong 9 tháng đầu năm, ước cả năm 2022 và lũy kế đến hết năm 2022; trong đó: báo cáo dự kiến số lượng và mức độ tự chủ của từng đơn vị; nguồn tài chính và nhiệm vụ chi của đơn vị, chi tiết theo nguồn NSNN, nguồn thu sự nghiệp đối với từng lĩnh vực sự nghiệp, từng đơn vị; tổng số biên chế và số lượng biên chế hưởng lương từ NSNN theo từng lĩnh vực sự nghiệp vào thời điểm năm 2022.

+) Tác động của việc sắp xếp, đổi mới, nâng cao khả năng tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập đến việc bố trí NSNN theo từng lĩnh vực trong năm 2022, lũy kế đến hết năm 2022, trong đó: đánh giá việc sử dụng số kinh phí NSNN dành ra từ việc nâng cao tính tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập; các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2022 từ nguồn thu phí và thu sự nghiệp công được để lại không đưa vào cân đối NSNN; nguồn hợp pháp khác của cơ quan, đơn vị theo quy định, chi tiết lĩnh vực chi.

- Báo cáo, kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của các cơ quan chức năng đối với công tác cải cách hành chính, thanh tra, kiểm toán, giải quyết khiếu nại tố cáo, phòng chống tham nhũng khi tổ chức thực hiện thu chi NSNN.

- Đối với các địa phương: Báo cáo khái quát tình hình thực hiện dự toán ngân sách cấp mình, trong đó cần tập trung các nội dung: Công tác phân bổ, giao dự toán; công khai dự toán và quyết toán ngân sách; tình hình quản lý, sử dụng các khoản phí, lệ phí và các khoản đóng góp trên địa bàn;

- Đánh giá tình hình triển khai thực hiện các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên.

- Tình hình, kết quả triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ và bổ sung, sửa đổi tại Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ.

2.2. Tình hình chi dự phòng ngân sách cấp huyện, cấp xã

Báo cáo việc bố trí ngân sách (bao gồm cả số ngân sách tỉnh hỗ trợ) và sử dụng dự phòng đến ngày 30/9/2022, số dự kiến sử dụng đến cuối năm 2022 (chi tiết tình hình thực hiện chi dự phòng).

2.3. Tình hình thực hiện vay và trả nợ các khoản vay của NSDP.

2.4. Đánh giá tình hình thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình, dự án, đề án khác

Trên cơ sở Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 1792/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND tỉnh về phân bổ kế hoạch vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh năm 2022 và giao mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; các cơ quan, đơn vị và địa phương được giao chủ trì các chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình, dự án, đề án khác, tiến hành báo cáo kết quả thực hiện các chương trình, dự án; đánh giá những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và kiến nghị (nếu có).

Đối với các chương trình, dự án khác sử dụng nguồn vốn ngoài nước: Đánh giá kết quả giải ngân vốn ngoài nước, so sánh với dự toán được giao; làm rõ nguyên nhân của việc giải ngân chậm, trách nhiệm của các sở, ngành, đơn vị và địa phương với vai trò là cơ quan chủ quản và các cơ quan, đơn vị có liên quan; đề xuất các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện chương trình, dự án.

3. Đánh giá kết quả thực hiện chế độ cải cách tiền lương

Các cơ quan, đơn vị và địa phương đánh giá việc thực hiện chính sách tạo nguồn chi cải cách tiền lương gắn với sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 122/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2022.

4. Đánh giá kế hoạch tài chính của các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách năm 2022

Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách báo cáo việc rà soát, cơ cấu lại, sáp nhập, dừng hoạt động hoặc giải thể các quỹ hoạt động không hiệu quả, không đúng mục đích, trùng lặp về mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng phục vụ hoặc không có khả năng độc lập về tài chính, trùng lặp nguồn thu, nhiệm vụ chi với NSNN; đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch thu - chi và các nhiệm vụ được giao 9 tháng và ước thực hiện cả năm 2022; các khó khăn, vướng mắc phát sinh và kiến nghị giải pháp xử lý.

5. Báo cáo tình hình thực hiện các kiến nghị của cơ quan Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra

Các cơ quan, đơn vị và địa phương rà soát, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện các kiến nghị của cơ quan Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra; làm rõ nguyên nhân các nội dung chưa thực hiện, trách nhiệm thuộc cơ quan, đơn vị nào; các khó khăn vướng mắc và đề xuất giải pháp thực hiện.

B. XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

Năm 2023 là năm thứ ba thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 -2025, là năm thứ hai của thời kỳ ổn định NSNN giai đoạn 2022-2025, nên có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của cả giai đoạn 2021-2025 và các mục tiêu chiến lược tài chính đến năm 2025. Xây dựng dự toán NSNN năm 2023 ngoài việc thực hiện các nội dung nêu tại Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29/7/2022 của Bộ Tài chính thì các cơ quan, đơn vị và địa phương cần tập trung thực hiện một số nội dung sau:

I. Xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2023

Dự toán thu NSNN năm 2023 phải được xây dựng theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước, Luật quản lý thuế và các Luật về thuế, phí, lệ phí và các văn bản pháp luật có liên quan; diễn biến phục hồi nền kinh tế, đảm bảo thu đúng, thu đủ các nguồn thu của NSNN,... và bám sát thực tình hình đầu tư, phát triển sản xuất, kinh doanh, sự tăng trưởng của cả nước và trong tỉnh năm 2023. Dự toán thu NSNN cần dự kiến phân hoàn trả tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa làm giảm thu NSNN theo quy định của pháp luật; trong đó:

1. Dự toán thu nội địa

a) Xây dựng dự toán thu nội địa năm 2023 phải tổng hợp đầy đủ các nguồn thu thuộc phạm vi thu NSNN phát sinh trên địa bàn (bao gồm cả số thu ngân sách ở xã, phường, thị trấn, các khoản thu thuế nhà thầu nước ngoài, nhà thầu trong nước khi thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn, các khoản thuế từ các dự án mới được đưa vào sản xuất kinh doanh), các dự án hết thời gian ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp; đồng thời loại trừ các khoản theo quy định không thuộc nguồn thu cân đối NSNN trên cơ sở đánh giá đầy đủ thực tế thực hiện năm 2022, những đặc thù của năm 2023. Dự toán thu tiền sử dụng đất; các khoản thu phí, lệ phí (thuộc danh mục quy định của Luật Phí và lệ phí) chi tiết theo từng khoản thu; trong đó: phần đầu dự toán thu nội địa từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 tăng bình quân tối thiểu 7-9% so với đánh giá ước thực hiện năm 2022 (sau khi loại trừ các yếu tố tăng, giảm do thay đổi chính sách). Mức tăng thu cụ thể tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn của từng địa phương. Tổ chức xây dựng và báo cáo dự toán thu ngân sách năm 2023 theo đúng biểu mẫu quy định và có thuyết minh từng khoản thu kèm theo.

b) Các khoản thu phí, lệ phí nộp ngân sách và để lại chi theo quy định

- Các cơ quan, đơn vị và các địa phương ước số thu phí, lệ phí thực hiện năm 2022, dự kiến những yếu tố tác động đến số thu năm 2023 để xây dựng dự toán thu phù hợp, tích cực, cụ thể theo từng khoản thu phí, lệ phí (số thu, số được để lại chi theo chế độ chi tiết các lĩnh vực chi tương ứng, số nộp NSNN);

- Đối với khoản thu học phí, giá dịch vụ y tế và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí), không là chỉ tiêu giao dự toán thu, chi NSNN cho các cơ quan, đơn vị và các địa phương, nhưng phải lập dự toán riêng và xây dựng phương án sử dụng

gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định. Các cơ quan, đơn vị và các địa phương tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn từ nguồn thu này và các khoản thu khác được để lại chi để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

2. Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: Căn cứ vào dự báo tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ có thuế trong bối cảnh hội nhập, đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, chuyển dịch cơ cấu mặt hàng, đặc biệt là các mặt hàng truyền thống có nguồn thu chủ lực và các mặt hàng mới phát sinh. Đồng thời, trong quá trình xây dựng dự toán cần xét các yếu tố tác động như dự kiến biến động giá của những mặt hàng có số thu NSNN lớn; tiến độ thực hiện các dự án đầu tư trọng điểm có nhập khẩu vật liệu, trang thiết bị; kế hoạch nhập khẩu xăng dầu của các công ty trên địa bàn. Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu tăng bình quân tối thiểu 4-6% so với đánh giá ước thực hiện năm 2022.

II. Xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023

Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, các địa phương, đơn vị dự toán chịu trách nhiệm trong việc chủ động, dự kiến đầy đủ nhu cầu chi thực hiện những chính sách chế độ, nhiệm vụ mới (nếu có) sẽ phát sinh trong năm 2023, đặc biệt là các chính sách liên quan đến con người và an sinh xã hội. Trên cơ sở đó bố trí dự toán đảm bảo thực hiện những nhiệm vụ quan trọng được giao và cả những nhiệm vụ mới phát sinh; không để xảy ra tình trạng sau khi dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, bố trí thiếu kinh phí thực hiện các chế độ chính sách đã ban hành và các nhiệm vụ mới phát sinh. Không bổ sung từ nguồn dự phòng cho những nhiệm vụ chi mà các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, các địa phương, các đơn vị dự toán khi xây dựng, phân bổ dự toán ngân sách được giao không bố trí đầy đủ kinh phí theo chế độ quy định để thực hiện. Trong đó một số lĩnh vực cụ thể như sau:

1. Đối với chi đầu tư phát triển

- Dự toán chi đầu tư phát triển nguồn NSNN được xây dựng phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025, kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025; đảm bảo đúng quy định của Luật Đầu tư công; tuân thủ các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ĐTPT nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025 quy định tại Nghị quyết số 973/2020/NQ-UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 245/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020, Nghị quyết số 68/2022/NQ-HĐND ngày 09/8/2022 của HĐND tỉnh.

- Tiếp tục ưu tiên bố trí dự toán năm 2023 để thanh toán nợ xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 4 Điều 101 Luật Đầu tư công và thu hồi vốn ứng trước NSNN (nếu có), bố trí vốn cho các dự án đã hoàn thành, quyết toán và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa được bố trí đủ vốn; bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ quy hoạch theo quy định và các dự án đầu tư chuyển tiếp cần tiếp tục thực hiện giai đoạn 2021-2025 (nếu có); ưu tiên bố trí vốn cho các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng, cần thiết, chương trình, dự án, công trình phát triển hạ tầng trọng điểm có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã

hội, tạo đột phá thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân và bảo đảm phát triển hài hòa giữa các địa phương; không bố trí kế hoạch, vốn cho các dự án không có khả năng giải ngân. Việc bố trí kế hoạch vốn ngoài nước phải phù hợp với nội dung của Hiệp định vay vốn nước ngoài; ưu tiên các dự án kết thúc hiệp định vay nước ngoài trong năm 2023 và không có khả năng gia hạn.

- Đối với việc sử dụng nguồn thu được từ bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị để chi đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị: căn cứ vào dự toán thu NSNN từ nguồn thu sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước năm 2023 theo quy định; các cấp, ngành, đơn vị, địa phương lập dự toán chi ĐTPT và tổng hợp trong dự toán chi ĐTPT, đảm bảo việc sử dụng kinh phí cho dự án đầu tư phù hợp với phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Việc bố trí dự toán chi ĐTPT từ nguồn thu tiền sử dụng đất để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, Chương trình mục tiêu quốc gia, thực hiện các đề án, chính sách của tỉnh ban hành; dành tối thiểu 10% tổng số thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011 và Quyết định số 191/QĐ-TTg ngày 08/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ để thực hiện theo phân cấp.

- Đối với nguồn thu xổ số kiến thiết: Bố trí toàn bộ cho chi ĐTPT, ưu tiên đầu tư cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề (bao gồm cả đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông), lĩnh vực y tế và các chương trình MTQG; phần còn lại ưu tiên chi thực hiện các công trình, dự án đầu tư phòng chống thiên tai, chống biến đổi khí hậu, nông thôn mới và các nhiệm vụ đầu tư quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của NSDP.

- Đẩy mạnh xã hội hoá trong đầu tư phát triển ở các lĩnh vực xã hội, nhất là các lĩnh vực trong ngành giáo dục, y tế, văn hoá, môi trường để huy động thêm nguồn lực xã hội đầu tư phát triển các lĩnh vực này.

2. Đối với chi thường xuyên

2.1. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các địa phương, các đơn vị xây dựng dự toán chi thường xuyên năm 2023 theo từng lĩnh vực, đảm bảo đúng chính sách, chế độ và các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương giai đoạn 2022-2025; căn cứ nhiệm vụ được giao, tập trung kinh phí cho những nhiệm vụ quan trọng chủ yếu, thực hiện đầy đủ các đề án, chính sách, chế độ được cơ quan có thẩm quyền ban hành, nhất là các chính sách an sinh xã hội, chính sách cho người dân (trong đó: báo cáo cụ thể đối tượng, nhu cầu kinh phí thực hiện các đề án, chính sách năm 2023 và có thuyết minh cơ sở xác định, cách tính).

Bên cạnh việc tiếp tục tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, thực hiện tiết kiệm thêm bình quân 10% chi

thường xuyên NSNN so với dự toán năm 2022 của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước ngay từ khâu xây dựng dự toán (trừ các khoản chi tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản chi có tính chất lương, các khoản chi cho con người theo chế độ và các khoản chi đặc thù không thể cắt giảm như đóng niên liễm, chi theo các hợp đồng cung ứng hàng hóa, dịch vụ đã ký kết từ trước và tiếp tục thực hiện trong năm 2023) để dành nguồn tăng chi ĐTPT và các nhiệm vụ cấp bách khác thuộc trách nhiệm chi của các cấp ngân sách theo phân cấp.

Trong quá trình xây dựng dự toán chi năm 2023 cần tính toán đủ kinh phí phát sinh tăng thêm để thực hiện các chính sách theo tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền; các chế độ, chính sách của cấp có thẩm quyền đã ban hành hoặc dự kiến sẽ ban hành trong năm 2023 và thuyết minh cụ thể cơ sở xây dựng dự toán thực hiện (có biểu mẫu kèm theo); kinh phí thực hiện đối ứng các nhiệm vụ quản lý theo phân cấp. Xây dựng dự toán chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phải căn cứ quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản công hiện hành; kinh phí sửa chữa, bảo trì cơ sở vật chất thực hiện theo quy định tại Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính và các văn bản có liên quan.

2.2. Rà soát các chương trình, đề án để lồng ghép, giảm bớt sự trùng lặp, chồng chéo, lãng phí. Sắp xếp, cơ cấu lại nhiệm vụ chi phù hợp với khả năng cân đối của NSNN. Thực hiện nghiêm lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, đẩy mạnh việc triển khai cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, tính toán cụ thể khả năng tăng thu của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc từng lĩnh vực để giảm hỗ trợ từ NSNN. Đối với đơn vị sự nghiệp đang nhận hỗ trợ từ NSNN phải thực hiện giảm dần số hỗ trợ, tương ứng số tăng thu của đơn vị, bao gồm cả số tăng thu do điều chỉnh lộ trình phí, lệ phí, giá dịch vụ... theo quy định. Không xây dựng dự toán chi thường xuyên NSNN hỗ trợ cho các dịch vụ sự nghiệp công đã hoàn thành lộ trình giá, phí từ năm 2022 trở về trước hoặc dự kiến hoàn thành trong năm 2023. Các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng dự toán chi thường xuyên liên quan đến việc xử lý tài sản công, sắp xếp, xử lý nhà đất, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định (nếu có).

2.3. Một số lưu ý khi xây dựng dự toán chi thường xuyên năm 2023

a) Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể xây dựng trên cơ sở:

- Số biên chế được giao năm 2023 (trường hợp chưa được giao biên chế thì tạm xây dựng bằng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2022), trong đó làm rõ số biên chế thực có mặt đến thời điểm 01/9/2022, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu biên chế năm 2023 nêu trên;

- Xác định Quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ quy định (bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn); mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo: (i) Quỹ tiền lương theo chỉ tiêu biên chế được

giao năm 2023, bao gồm quỹ lương của số biên chế thực có mặt tính đến thời điểm 01/9/2022, được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ và quỹ lương của số biên chế chưa tuyển (nhưng vẫn trong tổng mức biên chế được giao), tính trên cơ sở lương 1.490.000 đồng/tháng và hệ số tương đương bậc 1 của công chức loại A1, các khoản phụ cấp theo lương cùng các khoản đóng góp theo quy định; (ii) Giảm quỹ tiền lương gắn với tinh giản biên chế;

- Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán các khoản chi đặc thù (cơ sở pháp lý, nội dung chi, mức chi, các nội dung liên quan khác) năm 2023 trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả và đảm bảo đúng theo quy định.

b) Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán chi thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập; kinh phí đào tạo sinh viên Lào; kinh phí thực hiện nâng cao trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở theo Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ; kinh phí thực hiện chính sách đối với sinh viên sư phạm theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ; kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 9/7/2015 của Chính phủ; kinh phí để thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới theo lộ trình tại Nghị quyết số 51/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội và các chính sách khác theo quy định.

c) Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: Thuyết minh cụ thể cơ sở tính toán nhu cầu chi thực hiện các chương trình, đề án của ngành y tế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; dự kiến số kinh phí giảm cấp chi thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp y tế theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ y tế; nhu cầu NSNN hỗ trợ do giá, phí dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đủ chi phí tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập tự bảo đảm một phần chi phí thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp y tế công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

d) Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: Xây dựng dự toán chi trên cơ sở phê duyệt của cấp có thẩm quyền đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở, nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, dịch vụ công sử dụng NSNN và nhiệm vụ khác; phù hợp với định hướng mục tiêu, chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2021-2025 và Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

e) Đối với chi sự nghiệp kinh tế:

- Dự toán chi sự nghiệp kinh tế xây dựng căn cứ khối lượng nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao và chế độ, định mức chi ngân sách quy định. Tập trung bố trí chi những nhiệm vụ quan trọng: duy tu bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kinh tế trọng yếu (giao thông, thủy lợi, đê điều và công trình phòng chống thiên

tai) để tăng thời gian sử dụng và hiệu quả đầu tư; bảo đảm an toàn giao thông; tìm kiếm cứu nạn; nghiệp vụ dự trữ quốc gia; thực hiện nhiệm vụ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công, xây dựng nhân rộng các mô hình phát triển kinh tế; nhiệm vụ đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,... góp phần thúc đẩy tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Xây dựng dự toán kinh phí Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các đơn vị sự nghiệp kinh tế công lập theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và pháp luật về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng NSNN từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

f) Đối với các tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (sau đây gọi tắt là các Hội):

- Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao biên chế: thực hiện khoán kinh phí theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở vận dụng nguyên tắc bố trí chi thường xuyên NSNN lĩnh vực quản lý nhà nước và thực hiện hỗ trợ cho các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao;

- Đối với các hội quần chúng khác bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự bảo đảm kinh phí, hoạt động theo điều lệ và tuân thủ pháp luật; NSNN hỗ trợ cho các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao;

- Dự toán kinh phí đối với các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao thực hiện theo quy trình quy định tại Thông tư số 01/2011/TT-BTC ngày 06/01/2011 của Bộ Tài chính quy định việc hỗ trợ kinh phí từ NSNN cho Hội có hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao; việc quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của Hội; quản lý việc tiếp nhận, sử dụng các nguồn tài trợ của cá nhân, tổ chức nước ngoài cho Hội và các văn bản có liên quan.

3. Đối với chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình, dự án, đề án khác

Các cơ quan chủ quản của chương trình, dự án căn cứ vào văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định các chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình, dự án lớn triển khai giai đoạn 2021-2025, xác định rõ các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể và số đối ứng của ngân sách địa phương năm 2023 gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp. Đồng thời làm việc với các Bộ chủ quản chương trình để được phân bổ từ nguồn ngân sách trung ương. Trên cơ sở nguồn vốn Trung ương phân bổ để xây dựng dự toán chi tiết (bao gồm vốn đầu tư, vốn sự nghiệp) để báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp cuối năm.

4. Đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ODA (bao gồm vốn vay và viện trợ), nguồn vốn vay ưu đãi và viện trợ phi chính phủ nước ngoài

Căn cứ quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn thi hành, căn cứ Hiệp định đã ký với nhà tài trợ, tiến độ khả năng thực hiện dự án năm 2022, trong phạm vi hạn mức vốn ngoài nước trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; trên cơ sở cơ chế tài chính của các chương trình, dự án, các cơ quan và các địa phương thực hiện lập dự toán các chương trình, dự án có sử dụng vốn ngoài nước, chi tiết vốn

vay nợ nước ngoài (bao gồm vay ODA, vay ưu đãi), vốn viện trợ, vốn đối ứng; phân định theo tính chất chi ĐTPT, chi thường xuyên; phân biệt rõ tính chất của dự án là cấp phát hoặc vay lại từ nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ, mức vốn cho từng phần; ưu tiên bố trí đủ kế hoạch vốn cho các dự án kết thúc hiệp định trong năm kế hoạch, đối với các chương trình, dự án mới, chỉ triển khai nếu thực sự hiệu quả, phù hợp với khả năng giải ngân theo Hiệp định đã ký và Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

5. Bố trí nguồn ngân sách thực hiện cải cách tiền lương

Việc xây dựng dự toán 2023 cần chủ động bố trí nguồn để thực hiện việc cải cách tiền lương (CCTL), cụ thể:

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện chuyển nguồn cải cách tiền lương đến hết năm 2022 chưa sử dụng hết (nếu có) sang năm 2023 để tiếp tục thực hiện; xác định lại số tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2023 dành để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định. Riêng đơn vị sự nghiệp công lập đã tự chủ tài chính phải tự bảo đảm nguồn để thực hiện cải cách chính sách tiền lương. Đối với cơ quan có thu, đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm một phần chi thường xuyên, tiếp tục sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ (riêng ngành Y tế sử dụng tối thiểu 35% sau khi trừ các chi phí đã kết cấu vào giá dịch vụ).

- Ngân sách khối huyện, xã: Sử dụng 70% số tăng thu ngân sách địa phương hưởng năm 2022 thực hiện so với dự toán năm 2022 được UBND tỉnh giao (trừ tiền sử dụng đất, các khoản thu đã cân đối cho chi đầu tư theo chế độ); sử dụng 70% số tăng thu của ngân sách địa phương dự toán năm 2023 so với dự toán năm 2023 đã được UBND tỉnh giao (trừ tiền sử dụng đất, các khoản thu đã cân đối cho chi đầu tư theo chế độ).

6. Dự toán các khoản chi từ nguồn thu được để lại theo chế độ (như: học phí; giá, phí dịch vụ sự nghiệp công; phí, lệ phí và các khoản huy động đóng góp khác,...)

Các cơ quan hành chính Nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập có nguồn thu theo quy định của pháp luật phải lập đầy đủ dự toán thu và dự toán chi cho các nhiệm vụ từ nguồn thu phí, lệ phí và thu khác được để lại đơn vị chi theo chế độ quy định. Biểu mẫu quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ.

7. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Các cấp, các ngành, các đơn vị báo cáo tình hình thu - chi tài chính năm 2022 và dự kiến kế hoạch thu - chi tài chính năm 2023 của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Khoản 11, Điều 8 Luật NSNN năm 2015, gửi kèm báo cáo dự toán NSNN năm 2023 của cơ quan, đơn vị mình tới cơ quan tài chính cùng cấp (trong đó, thuyết minh chi tiết số dư đầu năm, số phát sinh thu từ NSNN cấp, từ huy động, tài trợ,... trong năm; số chi

cho các nhiệm vụ chi trong năm; tình hình biến động về vốn điều lệ, nguồn vốn hoạt động các quỹ này.

Riêng đối với Quỹ phát triển đất, đơn vị quản lý trực tiếp phối hợp với các cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan tiến hành rà soát hoạt động của Quỹ theo đúng tinh thần chỉ đạo của Bộ Tài chính tại Văn bản số 8114/BTC-QLCS ngày 15/8/2022 và Văn bản số 4507/BTC-QLCS ngày 19/5/2022.

8. Xây dựng dự toán kế hoạch vay, trả nợ gốc và trả nợ lãi, phí: Các cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan chủ động soát xét, xây dựng kế hoạch vay, trả nợ gốc và trả nợ lãi, phí năm 2023 đảm bảo theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn.

C. LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NSNN 03 NĂM 2023-2025

I. Lập kế hoạch thu NSNN

1. Kế hoạch thu ngân sách nhà nước 03 năm 2023-2025 được lập trên cơ sở cập nhật kế hoạch 03 năm 2022-2024; dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2023 và mức tăng trưởng thu dự kiến cho năm 2024, năm 2025 theo quy định; phân tích, đánh giá tác động của thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt là dịch bệnh Covid-19; các chính sách của nhà nước về thuế, lệ phí; tác động từ điều chỉnh giá, dịch vụ, phí các đơn vị sự nghiệp; đảm bảo nguyên tắc mọi khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định phải được tổng hợp, phản ánh đầy đủ vào cân đối ngân sách nhà nước theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

Giai đoạn 2023-2025, phần đầu tốc độ tăng thu nội địa không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế bình quân khoảng 8-9%/năm; tốc độ tăng thu từ hoạt động xuất nhập khẩu bình quân khoảng 5%/năm.

2. Dự toán các khoản thu phí, lệ phí các năm 2023-2025 tích cực, chi tiết theo từng khoản thu phí, lệ phí theo quy định (số thu, số nộp NSNN) và chỉ tổng hợp vào dự toán thu NSNN phân phí, lệ phí nộp NSNN.

3. Đối với các khoản thu được để lại, học phí, giá dịch vụ y tế, thu dịch vụ sự nghiệp công không thuộc danh mục phí và lệ phí, các khoản thu chuyển sang cơ chế giá dịch vụ: thực hiện lập kế hoạch thu riêng theo quy định và xây dựng phương án sử dụng để gửi cơ quan có thẩm quyền giám sát và tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn từ khoản thu này để cải cách tiền lương theo quy định; gửi cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định.

II. Lập kế hoạch chi NSNN 03 năm 2023-2025 của các cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh

1. Kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm 2023-2025 của các cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh được lập trên cơ sở cập nhật kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2022-2024, số ước thực hiện năm 2022 và dự toán năm 2023 được lập ở hướng dẫn này; trong đó thuyết minh cụ thể các mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án (kể cả chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu) đã hết thời gian thực hiện hoặc mới được cấp thẩm quyền phê duyệt.

2. Trong quá trình xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023, các cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh đồng thời xác định chi tiết chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới của bộ, cơ quan, đơn vị mình năm dự toán 2023 theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính để làm căn cứ xác định chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới và tổng hợp nhu cầu chi đầu tư phát triển, nhu cầu chi bảo dưỡng, vận hành trong kế hoạch chi năm 2023-2025. Việc lập kế hoạch chi NSNN từng năm của giai đoạn 2023-2025 cần tính toán xác định tổng nhu cầu kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền ban hành từng năm của giai đoạn 2023-2025 trên phạm vi toàn tỉnh, kèm theo thuyết minh cụ thể căn cứ tính toán, trong đó lưu ý:

- Lập kế hoạch chi ĐTPT giai đoạn 2023-2025 căn cứ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, căn cứ vào tiến độ thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ đầu tư chuyển tiếp (nếu có)/đã được phê duyệt chủ trương, quyết định đầu tư; nội dung trình kế hoạch trung hạn; gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực.

- Lập kế hoạch chi từ nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi, nguồn vốn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức năm 2023-2025 từng dự án theo tiến độ thực hiện đối với các Hiệp định, thỏa thuận vay đã ký kết và đang triển khai thực hiện, theo cam kết, đàm phán đối với các trường hợp mới ký kết, đã được phê duyệt chủ trương, đang đàm phán.

- Lập kế hoạch chi thường xuyên chi tiết việc triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách, chế độ; các mục tiêu, nhiệm vụ, chế độ, chính sách mới đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Đối với các nguồn ngoài ngân sách: lập kế hoạch thu, chi từng năm 2023-2025 theo quy định hiện hành, chi tiết từng nguồn phí, thu sự nghiệp được để lại, nguồn khác; các nhiệm vụ chi ĐTPT, chi thường xuyên theo lĩnh vực chi, từ nguồn phí, thu sự nghiệp được để lại; nguồn vay và nguồn hợp pháp khác của đơn vị; gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp.

D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Để có cơ sở tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2023-2025; Sở Tài chính đề nghị các cơ quan, đơn vị và địa phương triển khai thực hiện các nội dung nêu trên; đồng thời, thực hiện tổng hợp, báo cáo các nội dung theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện; trong đó tập trung tổng hợp các biểu mẫu sau:

I. Đối với dự toán năm 2023

1. Đối với các sở, ban, ngành, cơ quan Đảng, đoàn thể thuộc tỉnh: Lập biểu mẫu số 05, 06, 07, 08, 09, 11.1, 12.1, 12.2, 12.3, 12.4, 12.5, 13.1 đến 13.10 và 13.12 (theo từng sự nghiệp), 14, 15.1, 15.2, 18 (các nội dung thuộc ngành, đơn vị theo dõi, quản lý) ban hành kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính, biểu mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 47/2022/TT- BTC ngày 29/7/2022 của Bộ Tài chính và biểu mẫu kèm theo văn bản này.

2. UBND các huyện, thành phố, thị xã: Lập biểu mẫu số 01, 02, 03, 18, 28, 29.1, 31 đến 35 ban hành kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính, biểu mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29/7/2022 của Bộ Tài chính và biểu mẫu kèm theo văn bản này.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp thêm số liệu theo biểu mẫu số 32 (phần chi đầu tư), biểu số 33, 34 tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.

4. Cục Thuế tỉnh báo cáo theo biểu mẫu số 01, 02, 03 tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.

5. Cục Hải quan tỉnh báo cáo theo biểu mẫu số 04 tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.

6. Đối với dự toán thu, chi NSNN từ sắp xếp lại, xử lý nhà đất: Các Sở, ban, ngành, cơ quan Đảng, đoàn thể tỉnh và UBND các huyện, thành phố, thị xã thực hiện báo cáo biểu mẫu số 03, 04 kèm theo Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29/7/2022 của Bộ Tài chính.

II. Đối với kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023-2025

1. Đối với Sở Kế hoạch và Đầu tư: Lập các biểu số 01, Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính; biểu số 01, 03, 04, 05, 06 theo Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ.

2. Đối với Cục Thuế tỉnh: Mẫu biểu số 02, 03 08, 09, 10 quy định tại Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.

3. Đối với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: Mẫu biểu từ số 13 đến số 22 quy định tại Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính.

D. THỜI HẠN BÁO CÁO

Các cơ quan, đơn vị và địa phương gửi báo cáo về Sở Tài chính *trước ngày 30/10/2022* để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét theo quy định. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh đề nghị các cơ quan, đơn vị và địa phương phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để phối hợp tham mưu xử lý.

Trên đây là một số nội dung hướng dẫn công tác xây dựng dự toán NSNN năm 2023, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023-2025; Sở Tài chính đề nghị các cơ quan, đơn vị và địa phương phối hợp triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- TTr Tỉnh uỷ;
- TTr HĐND tỉnh;
- Các Ban - HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- KBNN tỉnh, Cục thuế tỉnh; Cục Hải quan tỉnh;
- UBND, các phòng TC-KH, KBNN các huyện, TP, TX;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở (p/h);
- Lưu VT, NS.

(Báo cáo)

GIÁM ĐỐC

Trịnh Văn Ngọc